

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2021/DS-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Tạ Công Minh**

2/ Ông: **Nguyễn Văn Trầm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông **Nguyễn Thành Phục** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm
2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
61/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị C** ; Sinh năm: 1965

Địa chỉ: Ấp MH, xã ML, huyện CL tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: 1/ **Ngô Văn D** ; Sinh năm: 1966

2/ **Hồ Thị L** ; Sinh năm: 1966

Cùng địa chỉ: Ấp HL, xã HĐ, huyện CT - Tiền Giang.

(Bà C, ông D có mặt, bà L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và trong biên bản hòa giải ngày
13/4/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào năm 2018, bà có cho ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị L vay 03 lần tiền cụ
thể như sau:

-Ngày 26/4/2018 ă ông D, bà L vay số tiền là 20.000.000đồng

-Ngày 13/6/2018 ă ông D, bà L vay số tiền là 30.000.000đồng.

-Ngày 26/11/2018 ă ông D, bà L vay số tiền là 10.000.000đồng.

Các lần vay tiền ông D, bà L đều có viết giấy nợ và không thỏa thuận thời
gian trả, khi nào cần lấy lại tiền bà sẽ báo trước 10 ngày, lãi suất tiền vay thỏa
thuận là 6%/tháng. Sau khi vay, ông D bà L không trả cho bà khoản tiền lãi nào.
Nay bà yêu cầu ông D, bà L trả cho bà số tiền vốn vay là 60.000.000đồng và tiền
lãi theo mức lãi suất do ngân hàng Nhà nước quy định, thời gian tính lãi tương ứng

với thời gian vay của từng khoản tiền, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong biên bản hòa giải ngày 13/4/2021, ông Ngô Văn D trình bày:

Khoảng năm 2017, ông và vợ ông là bà Hồ Thị L có vay của bà C số tiền là 300.000.000đồng, lãi suất 60%/tháng, thời hạn vay không nhớ. Thời gian đầu làm ăn được nên ông và bà L có trả lãi đúng hạn nhưng sau do mua bán không được nên ông và bà L không có tiền trả lãi cho bà C nên bà C có yêu cầu ông và bà L làm biên nhận vay tiền đối với số tiền nợ lãi. Cụ thể ngày 26/4/2018 ả ông ký tên vay 20.000.000đồng, ngày 13/6/2018 ả vợ ông là bà L ký tên vay 30.000.000đồng, tiếp đến ngày 26/11/2018 ả ông ký tên vay 10.000.000đồng. Chữ viết trong 03 biên nhận mà bà C nộp cho Tòa án là do bà C viết còn chữ ký là của ông và bà L vợ ông. Các chứng cứ thể hiện việc vay số tiền 300.000.000đồng thì ông không có.

Đối với số tiền vay 300.000.000đồng mà ông đã trình bày, vợ chồng ông đã thanh toán xong cho bà C thông qua việc vợ chồng ông tham gia chơi hụi do bà C làm chủ, ông tham gia 04 phần, mỗi phần 5.000.000đồng và đã trừ xong số nợ 300.000.000đồng nay chỉ còn nợ số tiền lãi 60.000.000đồng mà bà C đang kiện, tuy nhiên trong số tiền này ông đã trả được 10.000.000đồng, hiện còn nợ 50.000.000đồng, khi trả không làm giấy tờ gì.

Nay với số tiền 50.000.000đồng ông và vợ ông xin bà C cho được hoãn lại do hoàn cảnh khó khăn.

Đối với bà Hồ Thị L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà L không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C và cũng không tham gia hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, qua tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị C tổng số tiền nợ vay bà kiện yêu cầu ông D, bà L trả là số tiền bà đã cho ông D, bà L vay làm 03 lần, cụ thể: ngày 26/4/2018 ả vay 20.000.000đồng, ngày 13/6/2018 ả vay 30.000.000đồng, ngày 26/11/2018 ả vay 10.000.000đồng, các lần vay ông D, bà L đều có ký tên trong giấy nợ. Theo lời trình bày của ông Ngô Văn D chữ ký tên trong 03 giấy nợ với số tiền 60.000.000đồng như lời trình bày của bà C là chữ ký tên của ông và bà L vợ ông. Tuy nhiên đây không phải là số tiền vốn mà vợ chồng ông trực tiếp vay như bà C trình bày mà đây là số tiền lãi của số tiền 300.000.000đồng mà vợ chồng ông đã vay trước đây của bà C với lãi suất 60%/tháng do không tiền trả lãi nên bà C yêu cầu vợ chồng ông ký tên vay tiền đối với số tiền lãi, số tiền vay 300.000.000đồng vợ chồng ông đã trả hết cho bà C.

[2] Xét thấy, theo lời trình bày của ông D số tiền 60.000.000đồng được thể hiện ở 03 lần vay là ngày 26/4/2018 ả vay 20.000.000đồng, ngày 13/6/2018 ả vay 30.000.000đồng, ngày 26/11/2018 ả vay 10.000.000đồng là tiền lãi của số tiền vay

300.000.000đồng mà vợ chồng ông vay của bà C vào khoảng năm 2017 với lãi suất 60%/tháng do không tiền trả lãi nên bà C yêu cầu vợ chồng ông ký tên vay tiền của số tiền nợ lãi. Tuy nhiên lời trình bày này của ông D đã không được bà C thừa nhận, ông D cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa, Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời trình bày của ông D với số tiền vay 300.000.000đồng, lãi suất 60%/tháng hàng tháng ông D, bà L phải trả là 180.000.000đồng tiền lãi nhưng ở đây thể hiện số tiền và ngày vay trong các biên nhận, lần vay thứ nhất ngày 26/4/2018 ă với số tiền 20.000.000đồng đến lần vay thứ hai ngày 13/6/2018 ă gần 02 tháng với số tiền là 30.000.000đồng và đến lần vay thứ ba ngày 26/11/2018 ă, hơn 05 tháng sau với số tiền là 10.000.000đồng. Như vậy, tính về thời gian và số tiền thể hiện trong 03 giấy nợ mà ông D và bà L đã ký không gì thể hiện có sự liên quan đến tiền lãi của số tiền vay 300.000.000đồng như ông D trình bày. Xét lời trình bày này của ông D là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận mà nhận định ông D, bà L có vay của bà C số tiền 60.000.000đồng theo lời trình bày của bà C.

[3] Xét lời trình bày của ông D là ông đã trả cho bà C được 10.000.000đồng và hiện nay chỉ còn nợ lại 50.000.000đồng nhưng bà C không thừa nhận, ông D không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của ông D và nhận định việc bà C kiện yêu cầu ông D, bà L trả số tiền 60.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại Tòa hôm nay bà Nguyễn Thị C, yêu cầu tính lãi của các khoản tiền vay từ ngày vay đến ngày xét xử theo mức lãi suất được quy định trong Bộ luật dân sự là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền 20.000.000đồng vay ngày 26/4/2018 ă (ngày 09/6/2018 dl) đến nay tính tròn là 35 tháng, lãi suất được tính như sau:

$20.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 11.620.000\text{đồng}$

- Đối với số tiền 30.000.000đồng vay ngày 13/6/2018 ă (ngày 25/7/2018 dl) đến nay tính tròn là 33 tháng 23 ngày, lãi suất được tính như sau:

$30.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 16.815.800\text{đồng}$

- Đối với số tiền 10.000.000đồng vay ngày 26/11/2018 ă (ngày 01/01/2019 dl) đến nay tính tròn là 28 tháng 15 ngày, lãi suất được tính như sau:

$10.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 4.731.000\text{đồng}$

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi ông D, bà L có nghĩa vụ trả cho bà C là 93.166.800đồng. Buộc ông D, bà L có nghĩa vụ liên đới trả trong một thời gian nhất định.

[5] Đối với bà Hồ Thị L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với bà Hồ Thị L.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ông D, bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 463, 466 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1/ Buộc ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 93.166.800đồng, thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị L liên đới chịu là 4.658.000đồng, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị C 2.262.500đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004006 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày bà C yêu cầu thi hành án, nếu ông D, bà L chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Bà C, ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trương Thị Tuyết Linh